TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 12/2019/HSST
Ngày 14-3-2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Đương

2. Ông Nguyễn Hải Minh

-***Thư ký phiên tòa***: Ông Đỗ Trọng Tú -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

-***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Thanh Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 14/3/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2019/TLST-HS, ngày 31/01/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXX-ST ngày 28/02/2019 đối với:

Bị cáo **Nguyễn Thị D** -sinh 1974 tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ; cư trú tại: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt nam; con ông Nguyễn Công L (Đã chết) và bà Vũ Thị T - sinh năm 1942; có chồng là Nguyễn Văn V - sinh năm 1971 và 03 con (Lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2007); tiền sự, tiền án: Không; danh chỉ bản số 010 do Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ lập ngày 17/12/2018; bị bắt tạm giữ ngày 16/12/2018 đến ngày 19/12/2018, thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và được tại ngoại. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Văn C- sinh năm 1982; cư trú tại: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

2. Anh Hoàng Văn Đ - sinh năm 1997; cư trú tại: Khu T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

3. Anh Trương Đình V- sinh năm 1991; cư trú tại: Khu Xóm Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do muốn có tiền để chi tiêu cá nhân, nên Nguyễn Thị D đã lợi dụng vào kết quả xổ số kiến thiết miền bắc mở thưởng hàng ngày để đánh bạc bằng hình thức ghi số đề, số lô nhằm thu lợi bất chính. Về hình thức ghi số lô, D quy định nếu 2 số tự nhiên của người mua trùng với 2 số cuối cùng các giải của kết quả xổ số cùng ngày là người mua trúng và sẽ được thanh toán 80.000đ/1 điểm lô. Về hình thức ghi số đề, nếu 2 số tự nhiên của người mua trùng với 2 số cuối giải đặc biệt của kết quả xổ số cùng ngày đánh số đề, thì người mua trúng và sẽ được trả gấp 70 lần so với số tiền đánh đề. Ngược lại thì người mua sẽ thua và D sẽ hưởng số tiền người mua đã trả cho D.

Vào khoảng 17h00 phút ngày 16/12/2018 Nguyễn Thị D đang ở nhà thì có Nguyễn Văn C, sinh năm 1982 ở xã T đến hỏi mua số lô, số đề, D đồng ý bán số đề cho C. C mua các số đề gồm: 12, 21, 13, 31, 14, 41 mỗi số 100.000đ. Tổng số tiền mà C mua của D là 600.000đ, D khuyến mại cho C 100.000đ. C phải trả cho D số tiền là 500.000đ. D ghi lại các số đề mà C đã mua vào 01 tờ giấy để theo dõi (gọi là bảng đề), C chưa kịp đưa tiền cho D thì có Hoàng Văn Đ, sinh năm 1997 ở xã C và Trương Đình V, sinh năm 1991 ở xã T đến hỏi mua số lô, số đề, D đồng ý bán số lô, số đề cho Đ, V. Đ mua số lô gồm 20 là 50 điểm, các số đề gồm: 02, 20 mỗi số 200.000đ. D và Đ thống nhất với nhau 1 điểm lô là 24.000đ. Tổng số tiền Đ mua của D là 1.600.000đ, D khuyến mại cho Đ 100.000đ, nên Đ chỉ phải trả cho D số tiền là 1.500.000đ. Tiếp đó, V mua số đề gồm: 91, 92 mỗi số 30.000đ, V mua số lô gồm: 05 là 100 điểm, số lô 50 là 50 điểm. D và V thống nhất với nhau 1 điểm lô là 23.000đ. Tổng số tiền V mua số lô, số đề của D là 3.510.000đ. D khuyến mại cho V 10.000đ, nên V chỉ phải trả cho D số tiền 3.500.000đ. D ghi các số lô, số đề mà Đại và Vũ mua vào 01 tờ giấy để theo dõi (gọi là bảng đề) và các số lô, số đề Đại,Vũ mua vào 02 mảnh giấy (gọi là cáp đề) rồi đưa cho Đại và Vũ. Số tiền bán số lô, số đề cho Đ và V, D đúc vào túi quần bên phải D đang mặc. Ngay sau đó, lực

lượng Công an huyện Cẩm Khê phát hiện và bắt quả tang hành vi mua bán số lô, số đề. Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ trên tay trái và tay phải của D 01 mảnh giấy có ghi các con số tự nhiên, 01 bút nước màu đen và trong túi quần bên phải của D số tiền 5.000.000đ; Thu giữ trên tay trái của Đ 01 mảnh giấy nhỏ có ghi các số tự nhiên; Thu giữ trên tay phải của V 01 mảnh giấy có ghi các số tự nhiên. Quá trình điều tra, D khai nhận không nộp bảng lô, đề cho ai mà trực tiếp đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề.

Ngày 31/12/2018, Nguyễn Văn C tự nguyện giao nộp số tiền sử dụng để mua số đề nhưng chưa trả tiền cho D là 500.000đ cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS, ngày 28/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đã quyết định truy tố Nguyễn Thị D về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị D từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo D 03 ngày bị tạm giữ, quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo D còn phải chấp hành từ 08 tháng 21 ngày đến 11 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo D.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo D.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

- Tịch thu của bị cáo Nguyễn Thị D 5.000.000đ (Năm triệu đồng), anh Nguyễn Văn C 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

-Tịch thu để tiêu hủy: 03 mảnh giấy có ghi các số tự nhiên, 01 bút nước màu đen.

3. Về án phí:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Thị D.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận và có lời nói sau cùng là: Bị cáo rất ân hận về hành vi của bản thân, mong có cơ hội sửa chữa sai lầm và cam đoan không bao giờ vi phạm pháp luật hoặc phạm tội nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về căn cứ buộc tội:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 17 giờ đến 17 giờ 30 phút ngày 16/12/2018, tại nhà ở gia đình bị cáo Nguyễn Thị D tại thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Bị cáo D có hành vi bán số lô, đề cho các anh Nguyễn Văn C, Hoàng Văn Đ, Trương Đình V với số tiền là 5.710.000đồng (thực tế bị cáo D đã thu được 5.000.000đ). Hành vi nêu trên của bị cáo D đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 điều 321 của Bộ luật hình sự. Do vậy, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo Nguyễn Thị D là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[4]. Về nhân thân: Bị cáo không có tiền sự, tiền án.

[5]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự là: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năm hối cải.

Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, trên cơ sở để phục vụ công tác đấu tranh chống, phòng ngừa chung tội phạm và tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, cần chấp nhận đề nghị của

Đại diện Viện kiểm sát là áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ với mức đủ để bị cáo tỉnh ngộ, sớm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Về khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 điều 36 của Bộ luật hình sự, thì bị cáo bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Tuy nhiên, kết quả xác minh của cơ quan điều tra cho thấy bị cáo có thu nhập thấp và không ổn định, nếu bị khấu trừ thu nhập thì đời sống sinh hoạt của gia đình bị cáo lâm vào tình trạng rất khó khăn. Do vậy, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo D.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 điều 321 của Bộ luật hình sự, thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 50.000.000đồng. Tuy nhiên, kết quả xác minh của Cơ quan điều tra và lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo chỉ có tài sản nằm trong khối tài sản chung (nhà, đất) phục vụ nhu cầu sinh hoạt cơ bản của gia đình bị cáo, ngoài ra không có tài sản nào khác. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo D.

[7]. Về xử lý vật chứng: 5.000.000đồng thu giữ của bị cáo D, 500.000đồng do anh Nguyễn Văn C nộp tại Cơ quan điều tra là tiền sử dụng đánh bạc, cần tịch thu sung quỹ nhà nước; 03 mảnh giấy có ghi các số tự nhiên (cáp đề), 01 bút nước màu mực đen đều là công cụ phạm tội và không còn giá trị sự dụng, cần tịch thu để tiêu hủy.

[8] Về án phí: Do bị cáo Nguyễn Thị D là người nghèo, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo 03 ngày bị tạm giữ (từ ngày 16/12/2018 đến ngày 19/12/2018), quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo D còn phải chấp hành 14 (Mười bốn) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị D cho UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Thị D.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Điểm a, b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu của bị cáo Nguyễn Thị D 5.000.000đ (Năm triệu đồng), anh Nguyễn Văn C 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước (Theo biên bản giao vật chứng đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê ngày 28/01/2019).

-Tịch thu để tiêu hủy 03 mảnh giấy có ghi các số tự nhiên, 01 bút nước màu đen (có đặc điểm theo biên bản giao vật chứng đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê ngày 28/01/2019).

3. Về án phí:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thị D.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
-VKSND huyện Cẩm Khê;
-VKSND tỉnh Phú Thọ;
-CQCSĐT CA huyện Cẩm Khê;
-THADS huyện Cẩm khê;
-THAHS;
-Người tham gia tố tụng;
-Lưu hồ sơ+VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thắng